

Bản án số: 17/2025/DS-PT

Ngày: 13-5-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Quang;

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Ly và ông Lê Ngọc Minh;

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Phan Văn Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2025/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ **Nguyên đơn:** Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; địa chỉ: 27 Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2/ **Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị Thu Ng, sinh năm 1975; địa chỉ: 61/27 Nguyễn Công Trứ, phường 6, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

3/ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Kim Hùng, sinh năm 1970; địa chỉ: 61/27 Nguyễn Công Trứ, phường 6, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

4/ **Người kháng cáo:** Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/5/2011, bà S cho ông Nguyễn Kim Hùng và bà Huỳnh Thị Thu Ng vay số tiền 21.000.000 đồng, thời hạn góp 30 ngày, góp 700.000 đồng/ngày, lãi suất hai bên thỏa thuận 7%/tháng.

Ngày 02/4/2012, bà S cho bà Ng vay số tiền 29.000.000 đồng, thời hạn góp 58 ngày, góp 500.000 đồng/ngày, lãi suất hai bên thỏa thuận 8%/tháng.

Ngày 02/01/2012, bà S cho bà Ng vay số tiền 25.850.000 đồng, hẹn đến ngày 02/3/2012 trả nợ, lãi suất hai bên thỏa thuận 8%/tháng.

Ngày 01/8/2011, bà S cho bà Ng vay số tiền 21.000.000 đồng, hẹn đến ngày 01/9/2011 trả nợ, lãi suất hai bên thỏa thuận 7%/tháng.

Sau khi vay, ông Hùng và bà Ng không trả nợ như cam kết nên bà S khởi kiện yêu cầu ông Hùng và bà Ng phải trả tổng cộng số tiền nợ gốc 96.850.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1.125%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Vào khoảng năm 2011 bà Ng có vay của bà S số tiền 21.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 7%/tháng, góp ngày 500.000 đồng, hàng ngày bà Ng đều góp cho bà S và các giấy góp cũ bà S đều xé, tờ cuối cùng bà S ghi “*gia hạn đến ngày 30/12/2012*”, ngoài giấy này bà Ng không còn giữ giấy tờ nào khác để cung cấp cho Tòa. Đến hạn thanh toán, do bà Ng không có tiền thanh toán tiền nợ gốc cho bà S nên bà S viết lại một giấy nhận nợ. Vì nghĩ mình còn nợ nên bà Ng ký vào mà không thu lại giấy nợ gốc và bà Ng không nhớ là ký bao nhiêu tờ giấy nhận nợ cho bà S. Thực tế, bà Ng chỉ vay của bà S số tiền 21.000.000 đồng và đến ngày 02/01/2012 bà S ghi nợ gốc cộng với tiền lãi thành số tiền 25.850.000 đồng. Đối với số tiền nợ 25.850.000 đồng này, bà Ng chấp nhận trả nợ cho bà S, ngoài ra bà Ng không chấp nhận số tiền nào khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Các Điều 127, 129, 137, 671, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thu Ng phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S số tiền như sau:

- Đối với Hợp đồng vay tài sản ngày 17/5/2011, bà Huỳnh Thị Thu Ng phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S tổng cộng số tiền 58.737.000 đồng, trong đó nợ gốc 21.000.000 đồng, nợ lãi 37.737.000 đồng.

Trường hợp bị đơn bà Ng không trả nợ hoặc trả không đầy đủ khoản vay này thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kim Hùng có trách nhiệm trả hết số nợ hoặc số nợ còn lại thay cho bà Huỳnh Thị Thu Ng.

- Đối với hợp đồng vay tài sản ngày 02/4/2012, bà Huỳnh Thị Thu Ng phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S tổng cộng số tiền 77.687.375 đồng, trong đó nợ gốc 29.000.000 đồng và nợ lãi 48.687.375 đồng.

- Đối với Hợp đồng vay tài sản ngày 02/01/2012, bà Huỳnh Thị Thu Ng phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S tổng cộng số tiền 69.529.162 đồng, trong đó nợ gốc 25.850.000 đồng và nợ lãi 43.679.162 đồng.

- Đối với Hợp đồng vay tài sản ngày 01/8/2011, bà Huỳnh Thị Thu Ng phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S tổng cộng số tiền 57.910.125 đồng, trong đó nợ gốc 21.000.000 đồng và nợ lãi 36.910.125 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 09/9/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S về khoản tiền lãi là 817.875 đồng, trong đó tiền lãi không được chấp nhận của Hợp đồng vay tài sản ngày 02/01/2012 là 581.625 đồng và tiền lãi được không chấp nhận của Hợp đồng vay tài sản ngày 01/8/2011 là 236.250 đồng.

Về án phí: Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu Ng phải chịu 13.193.183 đồng, án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 634.000 đồng, đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 10489 ngày 22/3/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên nên được hoàn lại số tiền 434.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà S số tiền tạm ứng án phí 525.000 đồng, đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 10641 ngày 03/5/2013; số tiền tạm ứng án phí 744.000 đồng, đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 20364 ngày 05/3/2013 và số tiền tạm ứng án phí 814.000 đồng, đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 10345 ngày 04/3/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

-Ngày 01/10/2024 và ngày 04/10/2024 nguyên đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung yêu cầu: Miễn án phí cho nguyên đơn; không chấp nhận khoản lãi 817.875đ và 581.625đ và án phí dân sự sơ thẩm số tiền 200.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Các đương sự vắng mặt;

-Đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đối với sự vắng mặt của các đương sự Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nên đề nghị Tòa tiến hành xét xử vụ án; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đã được Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên thụ lý giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt, đã giao bản án sơ thẩm cho nguyên đơn và ngày 26/9/2024, nên ngày 01/10/2024 nguyên đơn kháng cáo là đúng thời hạn theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa tiến hành giải quyết theo quy định tại các Điều 38, 227, 228 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với kháng cáo của nguyên đơn về việc khoản tiền lãi 817.875đ:

Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S về khoản tiền lãi là 817.875đ, trong đó tiền lãi không được chấp nhận của Hợp đồng vay tài sản ngày 02/01/2012 là 581.625đ và tiền lãi được không chấp nhận của Hợp đồng vay tài sản ngày 01/8/2011 là 236.250đ.

- Đối với hợp đồng vay tài sản ngày 02/01/2012, số tiền gốc là 25.850.000đ, hạn ngày 02/3/2012 trả nợ. Các bên thỏa thuận lãi chậm trả là 8%/tháng. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Đến hạn trả nợ, bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ, nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày chậm trả là ngày 03/3/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở. Tuy nhiên, vì lãi suất vay do các bên thỏa thuận 8%/tháng là cao so với quy định của pháp luật nên cần phải điều chỉnh lại lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố $9\%/năm \times 150\% = 13,5\%/năm = 1,125\%/tháng$ (*Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*).

Do đó, Tòa sơ thẩm chấp nhận tính khoản tiền lãi từ ngày 03/3/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/9/2024 số tiền: $25.850.000đ \times 12 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} \times 1,125\%/tháng = 43.679.162đ$ và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tính khoản tiền lãi từ ngày 02/01/2012 đến ngày 02/03/2012 số tiền: $25.850.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 1,125\%/tháng = 581.625đ$ là có căn cứ.

- Đối với Hợp đồng vay tài sản ngày 01/8/2011, số tiền gốc 21.000.000đ, hạn ngày 01/9/2011 trả nợ, lãi suất hai bên thỏa thuận 7%/ngày. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Đến hạn trả nợ, bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 21.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày chậm trả là ngày 02/9/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở. Tuy nhiên, vì lãi suất vay do các bên thỏa thuận 7%/tháng là cao so với quy định của pháp luật nên cần phải điều chỉnh lại lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 là không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố $9\%/năm \times 150\% = 13,5\%/năm = 1,125\%/tháng$ (*Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*).

Do đó, Tòa sơ thẩm chấp nhận tính khoản tiền lãi từ ngày 02/9/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/9/2024 số tiền: $21.000.000đ \times 13 \text{ năm } 07 \text{ ngày} \times 1,125\%/tháng = 36.910.125đ$ và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tính khoản tiền lãi từ ngày 02/01/2012 đến ngày 02/03/2012 số tiền: $21.000.000đ \times 01 \text{ tháng} \times 1,125\%/tháng = 236.250đ$ là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc Tòa buộc nguyên đơn phải chịu 200.000đ án phí dân sự:

Hội đồng xét xử thấy: Như đã nhận định tại mục [2.1] yêu cầu tính khoản tiền lãi chỉ được chấp nhận một phần nên phần còn lại nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ đã nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo và kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2024/DS-ST, ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;

Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12, các Điều 26, 27, 29 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

[1] Về nội dung giải quyết vụ án: Giải quyết theo bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2024/DS-ST, ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Tuy Hòa;
- Phòng KT,TT &THA;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Quang